

Số: /QĐ-VKS

Đồng Nai, ngày 04 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu tư vấn chuẩn bị đầu tư Dự án sửa chữa Trụ sở làm việc Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân ngày 24/11/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân 24/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật số 62/2020/QH14 của Quốc hội ngày 17/6/2020 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của luật xây dựng;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc Hội ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024 của Bộ Xây dựng ban hành sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Văn bản số 521/C3-QLĐTXD ngày 29/07/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt báo đề xuất chủ trương đầu tư giai đoạn 2026-2030 (đợt 1);

Căn cứ Quyết định số 170/QĐ-VKSTC ngày 30/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc Phê duyệt danh mục và dự toán công trình sửa chữa trụ sở làm việc năm 2025 của các đơn vị trong ngành Kiểm sát nhân dân;

Căn cứ Quyết định số 05/QĐ-VKS ngày 01/8/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc Phê duyệt điều chỉnh danh mục và dự toán công trình sửa chữa trụ sở làm việc năm 2025 của các đơn vị trực thuộc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;

Xét đề nghị của Tổ giúp việc,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu tư vấn chuẩn bị đầu tư Dự án: Sửa chữa Trụ sở làm việc Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 với nội dung như sau:

1. Tên công trình: Sửa chữa Trụ sở làm việc Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13.
2. Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III.
3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư: Viện kiểm sát nhân dân tối cao.
4. Cấp quyết định đầu tư: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai.
5. Chủ đầu tư: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai.
6. Tổng mức đầu tư: 900.000.000 đồng (*Bằng chữ: Chín trăm triệu đồng*).
7. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn kinh phí chi thường xuyên năm 2025.
8. Địa điểm xây dựng: Xã Phú Nghĩa, tỉnh Đồng Nai.

9. Đơn vị lập dự toán chuẩn bị đầu tư: Tổ giúp việc.

10. Nội dung công việc thực hiện:

10.1. Nhiệm vụ lập hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Xác định đầy đủ các thông số kỹ thuật, vật liệu sử dụng và chi tiết cấu tạo phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được áp dụng, bảo đảm đủ điều kiện để triển khai thi công xây dựng công trình.

10.2. Dự toán chuẩn bị đầu tư: *(Có bảng dự toán chi phí đầu tư chi tiết kèm theo).*

- Xác định chi phí tư vấn lập hồ sơ: Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.
- Xác định chi phí tư vấn thẩm tra hồ sơ: Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.
- Xác định chi phí tư vấn quản lý dự án.

11. Giá trị dự toán: 81.615.550 đồng *(Bằng chữ: Tám mươi một triệu, sáu trăm mười lăm ngàn, năm trăm năm mươi đồng).*

Trong đó:

- Chi phí tư vấn lập hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: 50.514.888 đồng.
- Chi phí tư vấn thẩm tra hồ sơ Báo cáo KT - KT: 4.320.000 đồng.
- Chi phí tư vấn quản lý dự án: 26.780.662 đồng.

12. Thời gian thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư: Năm 2025.

Điều 2. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu tư vấn chuẩn bị đầu tư Dự án: Sửa chữa Trụ sở làm việc Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 *(Có bảng kế hoạch lựa chọn thầu chi tiết kèm theo).*

Điều 3. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký. Văn phòng, Tổ giúp việc, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- VKSTC- Cục 3 (để b/c);
- BLĐ VKSND tỉnh (để biết);
- Trang website VKSND tỉnh;
- Bảng thông báo điện tử;
- Lưu: VT, VP.

VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Quốc Hân

BẢNG DỰ TOÁN CHI PHÍ ĐẦU TƯ

Dự án: Sửa chữa Trụ sở làm việc Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-VKS ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị tính: (đ)

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Định mức	Hệ số	Cách tính	Chi phí trước thuế	Thuế giá trị gia tăng	Chi phí sau thuế
1	Chi phí xây dựng	Gcpxd				719.585.292	57.566.824	777.152.116
1.1	Chi phí xây dựng công trình chính, phụ trợ tạm phục vụ thi công	Gxd				719.585.292	57.566.824	777.152.116
	+ HẠNG MỤC: NHÀ LÀM VIỆC CHÍNH	Gxd.1				290.242.524	23.219.402	313.461.926
	+ HẠNG MỤC: NHÀ LƯU TRÚ 1	Gxd.2				263.217.208	21.057.377	284.274.585
	+ HẠNG MỤC: NHÀ LƯU TRÚ 2	Gxd.3				103.405.632	8.272.451	111.678.083
	+ HẠNG MỤC: NHÀ LƯU TRÚ 3	Gxd.4				56.276.050	4.502.084	60.778.134
	+ HẠNG MỤC: CÔNG CHÍNH	Gxd.5				6.443.878	515.510	6.959.388
2	Chi phí quản lý dự án	Gqlda	3,44600 %		3,446% x (Gxd+Gtb)	24.796.909	1.983.753	26.780.662
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	Gtv			Gtv1 : Gtv44	74.411.421	5.952.914	80.364.335
3.1	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	Gtv1	6,50000 %		6,5% x (Gxd+Gtb)	46.773.044	3.741.844	50.514.888
3.2	Chi phí thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công : 2.000.000 (đ)	Gtv2	0,25800 %			2.000.000	160.000	2.160.000
3.3	Chi phí thẩm tra dự toán công trình : 2.000.000 (đ)	Gtv3	0,25000 %			2.000.000	160.000	2.160.000
3.4	Chi phí giám sát thi công xây dựng	Gtv4	3,28500 %		3,285% x Gxd	23.638.377	1.891.070	25.529.447
4	Chi phí khác	Gk			Gk1 : Gk14	13.750.692	690.231	14.440.923
4.1	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	Gk1	0,57000 %			5.122.807		5.122.807
4.2	Chi phí kiểm toán độc lập	Gk2	0,96000 %			8.627.885	690.231	9.318.116
5	Chi phí dự phòng	Gdp			Gdp1 + Gdp2	1.168.486	93.479	1.261.964
5.1	Chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	Gdp1	0,14042 %		0,14041515% x (Gbt,tác+Gcpxd+Gtb+Gqlda+Gtv+Gk)	1.168.486	93.479	1.261.964
	TỔNG CỘNG					833.712.799	66.287.201	900.000.000

